

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 50/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Phạm Vũ P, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ 16, Khu phố T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Ngọc T và ông Phạm Vũ P.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc T và ông Phạm Vũ P chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/10/2009. Trong quá trình chung sống ông, bà phát sinh mâu thuẫn, do mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Ngọc T và ông Phạm Vũ P.

Về con chung: Bà T và ông P có 01 con chung là cháu Phạm Vũ K, sinh ngày 10/12/2005, giới tính nam. Ông, bà thỏa thuận đồng ý và theo nguyện vọng của cháu K, giao cháu K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung. Bà T đảm bảo quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung của ông P theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông, bà trình bày là không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Ngọc T về việc chịu toàn bộ án phí là 150.000 đồng. Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007763 ngày 21/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Như vậy, bà T được nhận lại số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND huyện K;
- UBND xã K, huyện K;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Pho